

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 28/2025/TLST-KDTM ngày 26 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty A; địa chỉ trụ sở chính: Khu phố 7, phường A, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Phạm Vũ H - Tổng giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Viết H – Nhân viên Công ty A (*Văn bản ủy quyền số 31/UQ – CT ngày 31/10/2025*).

- *Bị đơn*: Công ty B; địa chỉ trụ sở chính: Số 134 Lê Lợi, phường A, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Lê Văn Đình – Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Đức Đ – Phó phòng kỹ thuật Công ty B (*Văn bản ủy quyền ngày 16/01/2026*).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ trả nợ tiền hàng: Công ty B có nghĩa vụ trả nợ tiền hàng còn lại cho Công ty A theo Hợp đồng kinh tế số 43/2023/HDKT/BTTP ngày 24/8/2023s và phụ lục bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ/TT- TT ngày 09 tháng 12 năm 2023 với tổng số tiền là: 157.291.100 đồng (*Một trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi một ngàn, một trăm đồng*).

- Về thời hạn trả nợ: Công ty B có nghĩa vụ trả nợ số tiền 157.291.100 đồng (*Một trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi một ngàn, một trăm đồng*) cho Công ty A, theo các kỳ:

+ Kỳ 1: Ngày 30/3/2026, Công ty B có nghĩa vụ trả cho Công ty A số tiền: 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

+ Kỳ 2: Ngày 30/6/2026, Công ty B phải có nghĩa vụ trả cho Công ty A số tiền: 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

+ Kỳ 3: Ngày 30/9/2026, Công ty B có nghĩa vụ trả cho Công ty A số tiền: 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

+ Kỳ 4: Ngày 30/12/2026, Công ty B phải có nghĩa vụ trả cho Công ty A số tiền: 37.291.100 đồng (*Ba mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi một ngàn, một trăm đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Công ty B phải chịu 3.932.000 đồng (*Ba triệu chín trăm ba mươi hai ngàn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

- Trả lại cho Công ty A, toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp, là: 4.182.278 đồng (*Bốn triệu, một trăm tám mươi hai ngàn, hai trăm bảy mươi tám đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0001875 ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Trị;
- VKSND Khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Vũ Xuân